

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-8-2021.  
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly  
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thor

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1997 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1990 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp 2, Xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;*

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị N và anh S tự nguyện tìm hiểu hơn 03 năm và tổ chức đám cưới vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ chồng ở ấp 2, Xã M, chị N làm công nhân Công ty Hoàng Long, huyện Tam Nông, thu nhập từ 7 đến 8 triệu/tháng. Đến tháng 4/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S ghen tuông, chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột

sống và ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/7/2016, hiện đang sống chung với anh S, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh S, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật H, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Mâu thuẫn giữa chị N và anh S xuất phát từ việc chị N nhắn tin, điện thoại với người khác và anh S nghe được chị N cặp bồ với người làm cùng công ty, nên anh S ghen tuông, không kiềm chế có đánh vào mặt chị N 02 cái, chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2022 cho đến nay. Anh có đến gặp khuyên chị N hàn gắn tình cảm để chung sống với nhau nhưng chị N không đồng ý. Con chung cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/7/2016 đang do anh S nuôi dưỡng. Hiện nay anh S đang làm ruộng, đất của cha mẹ khoảng 22 công và làm thuê thêm thu nhập khoảng từ 12 đến 13 triệu/tháng. Nay anh S yêu cầu không thống nhất ly hôn với chị N, muốn hàn gắn đoàn tụ để nuôi con, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Về hôn nhân yêu cầu cương quyết yêu cầu ly hôn với anh S, mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn do anh S ghen tuông, ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Con chung yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/7/2016 cho đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng, chị N thống nhất tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do anh S ghen tuông, vì chị N có hành vi sử dụng điện thoại lên lút không có anh S đọc tin nhắn. Anh S không thống nhất ly hôn với chị N, yêu cầu chị N hàn gắn đoàn tụ để nuôi con và cho anh S thời gian để sửa chữa khuyết điểm, anh S cam kết nếu không thay đổi bản tính ghen tuông thì chị N có quyền yêu cầu ly hôn. Con chung cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/7/2016 hiện nay do anh S nuôi dưỡng, anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, về hôn nhân không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn S, về con chung không xem xét do không

chấp nhận yêu cầu ly hôn, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1] Về pháp luật tố tụng:**

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn S, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 2, Xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị N và anh S có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh S, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh S là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh S là do anh S nghi ngờ chị N có mối quan hệ bất chính bên ngoài, nên dẫn đến ghen tuông, anh S đã thừa nhận có đánh chị N 02 cái và ly thân từ tháng 06/2022 đến nay. Ngoài ra, chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến không thể chung sống với nhau được nữa. Mặt khác, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh S không đồng ý ly hôn muốn hàn gắn đoàn tụ và mới ly thân từ tháng 6/2022 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh S chưa đến mức trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S cần có thời gian để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn lại tình cảm, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Thanh S, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[2.2] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/7/2016, đang sống chung với anh S và do anh S nuôi dưỡng, anh S và chị N đều yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn S, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu nuôi con chung của chị N và anh S.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010295 ngày 27/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2022).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND xã C;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thơ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

## THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

